

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Võ Thái Sơn	Chủ tịch	24/7/2020	
Bà Võ Thùy Dương	Chủ tịch	19/3/2018	24/7/2020
Bà Võ Thùy Dương	Thành viên	24/7/2020	
Ông Võ Thái Sơn	Thành viên	16/3/2018	24/7/2020
Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Thành viên	16/3/2018	
Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Thành viên	16/3/2018	
Bà Phạm Thị Lượng	Thành viên	16/3/2018	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng	Trưởng ban	19/3/2018	
Bà Tống Thị Xuân Thi	Thành viên	16/3/2018	
Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên	16/3/2018	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Bà Võ Thùy Dương	Tổng Giám đốc		
Ông Võ Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	8/8/2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là bà Võ Thùy Dương, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

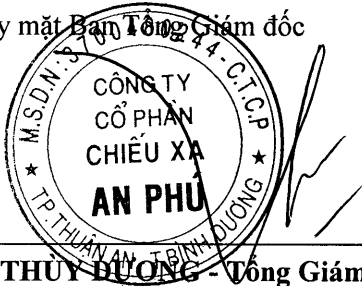
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



VÕ THUY DƯƠNG - Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, ngày 13 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú, được lập ngày 13 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

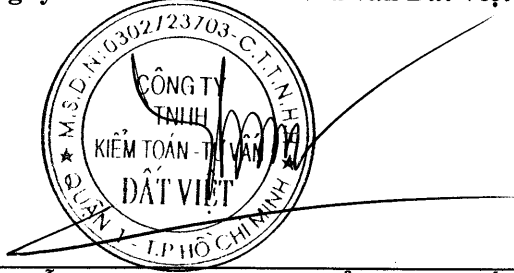
Vấn đề khác

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/NQ-HDQT-API ngày 24 tháng 7 năm 2020, Công ty đã miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của người đại diện theo pháp luật là Bà Võ Thùy Dương và bổ nhiệm thành viên khác giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị nhằm thực hiện đúng quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Hiện tại Công ty đang trong quá trình thay đổi thông tin về chức danh người đại diện theo pháp luật với các cơ quan quản lý Nhà nước.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lru Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tò 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		189.660.112.409	263.130.496.735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67.503.434.329	206.944.850.128
1. Tiền	111		29.735.553.962	206.944.850.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.767.880.367	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	70.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.251.406.203	49.186.245.055
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.612.030.648	28.752.564.566
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.044.438.354	23.936.025.984
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.309.306.416	7.424.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.714.369.215)	(3.509.769.495)
IV. Hàng tồn kho	140		52.200.000	98.572.698
Hàng tồn kho	141	V.7	52.200.000	98.572.698
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.853.071.877	6.900.828.854
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	784.082.165	1.457.989.652
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.068.989.712	5.442.839.202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		802.283.342.213	757.113.946.804
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.071.194.000	11.071.194.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	11.071.194.000	11.071.194.000
II. Tài sản cố định	220		167.733.121.743	86.902.432.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	141.711.378.558	61.031.969.094
Nguyên giá	222		284.193.542.662	197.989.472.445
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.482.164.104)	(136.957.503.351)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	26.021.743.185	25.870.463.581
Nguyên giá	228		35.933.186.615	35.265.686.615
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.911.443.430)	(9.395.223.034)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		536.946.506.941	571.059.441.043
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	536.946.506.941	571.059.441.043
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		86.532.519.529	88.080.879.086
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	86.532.519.529	88.080.879.086
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		991.943.454.622	1.020.244.443.539

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

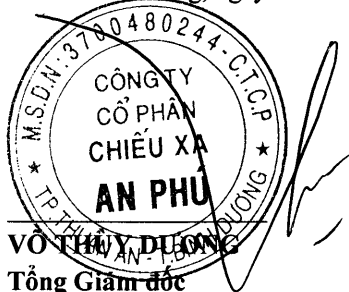
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

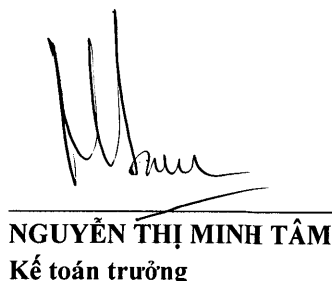
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		370.409.070.037	421.858.960.045
I. Nợ ngắn hạn	310		33.831.961.155	92.071.851.683
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	12.779.372.931	24.987.962.323
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	221.600.316	217.257.503
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.782.153.074	4.795.508.965
4. Phải trả người lao động	314		1.980.894.125	5.519.786.174
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.734.886.339	3.671.509.536
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	877.516.267	975.372.632
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	-	42.713.372.015
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	12.455.538.103	9.191.082.535
II. Nợ dài hạn	330		336.577.108.882	329.787.108.362
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	336.577.108.882	329.787.108.362
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		621.534.384.585	598.385.483.494
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	621.534.384.585	598.385.483.494
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		201.213.950.000	201.213.950.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>201.213.950.000</i>	<i>201.213.950.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		121.440.570.454	121.440.570.454
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.163.700.000)	(2.163.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.269.234.725	9.269.234.725
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		291.774.329.406	268.625.428.315
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>264.707.472.747</i>	<i>212.654.634.477</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>27.066.856.659</i>	<i>55.970.793.838</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		991.943.454.622	1.020.244.443.539

Tỉnh Bình Dương, ngày 13 tháng 08 năm 2020



VÕ THỤY DƯƠNG
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ MINH TÂM
Kế toán trưởng



ĐOÀN THỊ LÝ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	66.239.487.136	63.498.301.414
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.239.487.136	63.498.301.414
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22.652.480.461	21.437.718.359
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.587.006.675	42.060.583.055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.485.565.383	30.684.629
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.425.612.096	31.089.885
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.358.670.952	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.530.305.006	1.921.764.051
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.644.031.428	11.381.080.589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.472.623.528	28.757.333.159
11. Thu nhập khác	31		3.387.311	2.130.960
12. Chi phí khác	32		2.504.861	34.778.405
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	882.450	(32.647.445)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.473.505.978	28.724.685.714
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	4.406.649.319	5.879.442.507
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.066.856.659	22.845.243.207
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	1.360	1.935
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	1.360	1.935

Tỉnh Bình Dương, ngày 13 tháng 08 năm 2020



VÔ THỤY DƯƠNG
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ MINH TÂM
Kế toán trưởng



ĐOÀN THỊ LÝ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I . Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 . Lợi nhuận trước thuế	01		31.473.505.978	28.724.685.714
2 . Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.040.881.149	6.724.319.396
- Các khoản dự phòng	03		204.599.720	2.523.555.210
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		20.807.780	31.089.885
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.485.565.383)	(30.684.629)
- Chi phí lãi vay	06		1.358.670.952	-
3 . Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.612.900.196	37.972.965.576
- Tăng các khoản phải thu	09		(979.520.503)	(4.948.127.057)
- Giảm hàng tồn kho	10		46.372.698	16.649.415
- Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.069.013.244)	(3.267.182.692)
- Giảm chi phí trả trước	12		2.222.267.044	5.497.097.935
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.258.916.958)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.285.859.465)	(6.606.772.952)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(653.500.000)	(642.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.634.729.768	28.021.830.225
II . Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 . Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.638.395.179)	(257.318.929.893)
2 . Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(402.903.780.946)	-
3 . Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		332.903.780.946	-
4 . Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	27		3.485.565.383	30.684.629
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.152.829.796)	(257.288.245.264)
III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 . Tiền thu từ đi vay	33		6.790.000.520	210.955.341.250
2 . Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.713.372.015)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.923.371.495)	210.955.341.250
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(139.441.471.523)	(18.311.073.789)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		206.944.850.128	33.278.683.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		55.724	205.370
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	67.503.434.329	14.967.814.637

Tỉnh Bình Dương, ngày 13 tháng 08 năm 2020



NGUYỄN THỊ MINH TÂM
Kế toán trưởng

ĐOÀN THỊ LÝ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú tiền thân là Công ty Cổ phần Chiếu xạ Thực Phẩm được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000059 ngày 20 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000059 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01 tháng 02 năm 2005, chuẩn y việc đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chiếu xạ Thực Phẩm” thành “Công ty Cổ phần Chiếu xạ Bình Dương” và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ bà Trần Ngọc Thiên Nga, chức danh Giám đốc Công ty, sang ông Phan Minh Anh Ngọc, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000059 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 11 năm 2006, chuẩn y việc đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chiếu xạ Bình Dương” thành “Công ty Cổ phần An Phú Bình Dương”, thay đổi danh sách và cơ cấu vốn góp của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000059 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 19 tháng 3 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 60.000.000.000 VND và thay đổi cơ cấu vốn góp của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000059 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23 tháng 5 năm 2007, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000059 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 14 tháng 3 năm 2008, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 86.400.000.000 VND và thay đổi cơ cấu vốn góp của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 20 tháng 2 năm 2009, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Phan Minh Anh Ngọc sang ông Võ Hữu Hiệp, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 21 tháng 7 năm 2009, chuẩn y việc đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần An Phú Bình Dương” thành “Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú”.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 01 tháng 7 năm 2010, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 86.400.000.000 VND lên 114.480.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 22 tháng 3 năm 2011, chuẩn y việc bổ sung Chi nhánh với tên gọi là Công ty Cổ phần Chiếu xạ An

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phú - Chi nhánh 01 tại Lô C1 và C2 Khu Công nghiệp Bình Minh, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 18 tháng 12 năm 2013, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 02 tháng 4 năm 2015, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 114.480.000.000 VND lên 120.204.000.000 VND, thay đổi cơ cấu vốn góp của các cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật là từ ông Võ Hữu Hiệp sang bà Võ Thùy Dương, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 19 tháng 9 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 06 tháng 02 năm 2020, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120.204.000.000 VND lên 201.213.950.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 31 tháng 3 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ "Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương" thành "Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương".

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2018, Công ty thành lập Chi nhánh 02 với tên gọi là Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 02 tại số 29, đường 9, Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3700480244-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 20.121.395 cổ phiếu niêm yết tương ứng tổng giá trị 201.213.950.000 VND với mã chứng khoán là APC.

- **Vốn điều lệ** : 201.213.950.000 VND
Số cổ phiếu : 20.121.395 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (0274) 3 713 116
- Fax : (0274) 3 712 293
- Mã số thuế : 3 7 0 0 4 8 0 2 4 4

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi nhánh

Chi nhánh 01 : Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 01

Địa chỉ : Lô C1 và C2 Khu Công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Huyện Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long

Chi nhánh 02 : Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 02

Địa chỉ : Số 29, Đường 9, Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chiếu xạ khử trùng các loại thủy sản, các dụng cụ y tế; chiếu xạ, bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác.
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh và các loại thực phẩm đông lạnh.
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại.
- Sản xuất hóa chất cơ bản (không sản xuất tại địa chỉ trụ sở, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Bảng 1 theo Công ước Quốc tế).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được phân loại lại (Xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.5).

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 168 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 151 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 18 (mười tám) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;

- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính/ kế toán.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là từ 20 năm đến 47 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính/ kế toán

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 - 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí nguồn xạ, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh đã trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 40 năm.
- Chi phí nguồn xạ thể hiện số tiền chi mua nguồn xạ đã trả trước. Chi phí nguồn xạ trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo chu kỳ bán rã của Đồng vị phóng xạ Coban 60. Công thức tính cụ thể như sau: $N(T) = N_0 \times (e^{-(\ln(2)/5) \times T})$. Chu kỳ bán rã của Đồng vị phóng xạ Coban 60 là 5,2716 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... và các khoản phải trả khác.

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tô 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tò 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	33.665.608	211.185.289
Tiền gửi ngân hàng	29.701.888.354	206.733.664.839
Các khoản tương đương tiền (i)	37.767.880.367	-
Cộng	67.503.434.329	206.944.850.128

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
Cộng	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Sài Gòn	517.095.311	2.081.822.511
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long	1.059.508.602	1.253.583.880
Công ty TNHH Thực phẩm Balala Việt Nam	2.207.185.671	1.516.274.023
Công ty Cổ phần Camimex	475.232.266	1.060.606.161
Công ty TNHH Thủy hải sản Hai Wang	977.420.157	324.027.837
Công ty TNHH Hao Jiao Việt Nam	917.317.421	1.874.627.899
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Mộc Phát	804.255.640	804.255.640
Công ty Cổ phần Kinh doanh Chế biến Thủy Sản và XNK Quốc Việt	10.165.553.376	9.658.241.007
Công ty Cổ phần Sài Gòn Tâm Tâm	1.631.464.371	1.250.662.879
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản P&H	788.649.664	167.470.349
Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu	838.029.762	211.197.114
Các khách hàng khác	8.230.318.407	8.549.795.266
Cộng	<u>28.612.030.648</u>	<u>28.752.564.566</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Corpex Asia Ltd,	17.956.306.978	17.956.306.978
Mollura & C .s.r.l	-	541.892.246
Johnson Controls (S) Pte. Ltd.	844.443.750	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ nghệ Intercontinental	-	525.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico	-	846.030.000
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Việt Khải	-	2.140.479.250
Công ty TNHH MTV NanoHome	805.066.600	-
Các nhà cung cấp khác	1.438.621.026	1.926.317.510
Cộng	<u>21.044.438.354</u>	<u>23.936.025.984</u>

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Ngắn hạn khác	1.309.306.416	-	7.424.000	-
Bảo hiểm y tế	-	-	996.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	228.000	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	1.300.106.416	-	-	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	9.200.000	-	6.200.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b) Dài hạn khác	11.071.194.000	-	11.071.194.000	-
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư	10.276.800.000	-	10.276.800.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	794.394.000	-	794.394.000	-
Cộng	12.380.500.416	-	11.078.618.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
Dự phòng phải thu ngắn hạn				
khó đòi	4.160.374.084	446.004.869	3.714.369.215	4.117.498.523
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.160.374.084	446.004.869	3.714.369.215	4.117.498.523
Công ty TNHH TM Anh Bo	174.813.322	-	174.813.322	174.813.322
Công ty TNHH CB Thủy Hải	109.965.539	-	109.965.539	109.965.539
Sân Tân Biên Đông	267.626.228	-	267.626.228	267.626.228
Công ty TNHH Giải pháp Công Nghệ Xanh	151.307.543	-	151.307.543	136.465.134
Công ty CP Thực phẩm Thủy sản Xuất khẩu Cà Mau (FFC)	804.255.640	-	804.255.640	804.255.640
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Mộc Phát	321.131.932	96.132.304	224.999.628	321.428.040
Công ty TNHH TC Lộc Phát	153.784.925	-	153.784.925	153.784.925
Công ty TNHH Nông Sản ViệtS	101.605.820	-	101.605.820	101.605.820
Công ty CP Thực phẩm QVD Đông Tháp	500.406.176	250.169.195	250.236.981	500.473.962
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Sông Định	216.950.977	-	216.950.977	216.950.977
Công ty TNHH SX TM Tân Đông	508.443.936	-	508.443.936	508.443.936
Công ty TNHH Màu Xanh Vĩnh Cửu				

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khách hàng khác	850.082.046	99.703.370	821.685.000	143.534.345
Cộng	4.160.374.084	446.004.869	4.117.498.523	607.729.028
		3.714.369.215		678.150.655
				3.509.769.495

Thông tin về các khoản nợ xấu của Công ty:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng cung cấp dịch vụ,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	53.328.698	-
Công cụ, dụng cụ	52.200.000	-	45.244.000	-
Cộng	52.200.000	-	98.572.698	-

8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	784.082.165	1.457.989.652
Công cụ dụng cụ	688.421.404	1.391.595.416
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	95.660.761	66.394.236
b) Dài hạn	86.532.519.529	88.080.879.086
Công cụ dụng cụ	2.165.748.429	312.288.643
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	53.378.599	175.781.429
Tiền thuê đất (i)	31.460.609.317	31.881.018.349
Nguồn xạ (i)	52.176.560.962	55.711.790.665
Chi phí trả trước dài hạn khác	676.222.222	-
Cộng	87.316.601.694	89.538.868.738

(i) Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh và nguồn xạ thuộc sở hữu của Công ty đang được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh An Phú (Xem Thuyết minh số V.17).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Khoản mục			Thiết bị văn phòng	Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		
Số đầu năm	114.847.712.457	63.420.663.653	18.980.550.864	740.545.471	197.989.472.445
Tăng trong kỳ	85.904.714.217	127.000.000	99.756.000	72.600.000	86.204.070.217
Mua trong kỳ	42.873.636	127.000.000	99.756.000	72.600.000	342.229.636
Đầu tư XD/CB hoàn thành	85.861.840.581	-	-	-	85.861.840.581
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	200.752.426.674	63.547.663.653	19.080.306.864	813.145.471	284.193.542.662
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	72.818.222.980	49.017.411.190	14.612.317.995	509.551.187	136.957.503.351
Tăng trong kỳ	3.204.391.502	1.396.195.203	888.174.980	35.899.068	5.524.660.753
Khấu hao trong kỳ	3.204.391.502	1.396.195.203	888.174.980	35.899.068	5.524.660.753
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	76.022.614.482	50.413.606.393	15.500.492.975	545.450.255	142.482.164.104
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.029.489.478	14.403.252.464	4.368.232.869	230.994.284	61.031.969.094
Số cuối kỳ	124.729.812.193	13.134.057.261	3.579.813.889	267.695.216	141.711.378.558
<i>Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh An Phú:</i>					
Số đầu năm	-	12.765.036.937	3.808.226.934	-	16.573.263.871
Số cuối kỳ	84.052.181.838	11.521.049.577	3.059.496.498	-	98.632.727.913
<i>Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>					
Số đầu năm	31.491.237.895	33.287.226.016	4.621.886.860	306.672.622	69.707.023.393
Số cuối kỳ	31.536.531.288	33.557.226.016	4.621.886.860	306.672.622	70.022.316.786

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính/ kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.063.900.737	201.785.878	35.265.686.615
Tăng trong kỳ	-	667.500.000	667.500.000
Mua trong kỳ	-	667.500.000	667.500.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	35.063.900.737	869.285.878	35.933.186.615
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	9.193.437.156	201.785.878	9.395.223.034
Tăng trong kỳ	488.407.896	27.812.500	516.220.396
Khấu hao trong kỳ	488.407.896	27.812.500	516.220.396
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	9.681.845.052	229.598.378	9.911.443.430
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.870.463.581	-	25.870.463.581
Số cuối kỳ	25.382.055.685	639.687.500	26.021.743.185

Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 25.382.055.685 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 25.870.463.581 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh An Phú.

Nguyên giá của các phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 201.785.878 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 201.785.878 VND).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	3.235.654.018	3.235.654.018
Phần mềm Microsoft Dynamics	3.235.654.018	3.235.654.018
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	589.972.091
Sửa chữa văn phòng	-	589.972.091
XDCB dở dang	533.710.852.923	567.233.814.934
Nhà máy Chiếu xạ Bắc Ninh (i)	532.972.509.561	567.233.814.934
Dự án Khu công nghệ cao Quận 9	738.343.362	-
Cộng	536.946.506.941	571.059.441.043

- (i) Chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Chiếu xạ Bắc Ninh tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh bao gồm chi phí lãi vay được vốn hóa trong kỳ với số tiền là 19.189.952.940 VND, đã được dùng để thế chấp cho khoản tiền vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh An Phú (Xem Thuyết minh số V.17).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Schaefer Systems International Pte. Ltd.	-	-	2.348.720.256	2.348.720.256
Johnson Controls (S) Pte. Ltd.	-	-	5.345.780.520	5.345.780.520
Công ty TNHH Gattner Việt Nam	-	-	2.997.615.418	2.997.615.418
Công ty Cổ phần Tư vấn TM DV Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	6.944.566.165	6.944.566.165	6.923.702.661	6.923.702.661
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	4.890.913.893	4.890.913.893	4.890.913.893	4.890.913.893
Công ty TNHH Euro Luxury Design	-	-	649.968.171	649.968.171
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Minh Huy	436.150.000	436.150.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	507.742.873	507.742.873	1.831.261.404	1.831.261.404
Cộng	12.779.372.931	12.779.372.931	24.987.962.323	24.987.962.323

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon	-	10.000.000
Công ty TNHH Đại Dương Xanh	-	11.439.829
Công ty TNHH Hải Thanh	15.288.606	5.043.707
Công ty TNHH Thủy sản Nigico	22.342.166	-
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất khẩu Tôm Việt	-	29.516.431
Công ty TNHH United International Pharma	18.773.762	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	7.403.644	50.303.810
Các khách hàng khác	157.792.138	110.953.726
Cộng	221.600.316	217.257.503

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	612.383.096	3.656.088.914	3.603.724.334	664.747.676
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	78.205.773	78.205.773	-
Thuế nhập khẩu	-	140.646.313	140.646.313	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.948.573.444	4.406.649.319	7.285.859.465	1.069.363.298
Thuế thu nhập cá nhân	234.552.425	430.949.661	617.459.986	48.042.100

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất	-	321.857.314	321.857.314	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>	-
Cộng	4.795.508.965	9.038.397.294	12.051.753.185	1.782.153.074

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- *Xuất khẩu* : 0%
- *Trong nước* : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	718.116.726	1.090.190.557
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	2.272.149.612	1.649.111.205
Chi phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng và điều hành	683.980.099	809.422.099
Chi phí phải trả khác	60.639.902	122.785.675
Cộng	3.734.886.339	3.671.509.536

16. Phải trả ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	424.194.290	268.096.290
Bảo hiểm xã hội	4.892.923	9.692.423
Bảo hiểm y tế	322.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	210.000	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	236.593.375	236.593.375
Thù lao, thưởng HĐQT	102.600.000	223.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.703.179	237.790.544
Cộng	877.516.267	975.372.632

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

17. Vay và nợ tài chính

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a) Vay và nợ ngắn hạn	42.713.372.015	42.713.372.015	-	42.713.372.015	-	-	-	
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	42.713.372.015	42.713.372.015	-	42.713.372.015	-	-	-	
Bà Trần Ngọc Thiên Nga	42.713.372.015	42.713.372.015	-	42.713.372.015	-	-	-	
b) Vay và nợ dài hạn	329.787.108.362	329.787.108.362	6.790.000.520	-	336.577.108.882	336.577.108.882	-	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	329.787.108.362	329.787.108.362	6.790.000.520	-	336.577.108.882	336.577.108.882	-	
Ngân hàng TMCP Quân								
Đội (MB) - Chi nhánh An								
Phú (i)	329.787.108.362	329.787.108.362	6.790.000.520	-	336.577.108.882	336.577.108.882	-	
Cộng	372.500.480.377	372.500.480.377	6.790.000.520	42.713.372.015	336.577.108.882	336.577.108.882	336.577.108.882	

Thuyết minh chi tiết hợp đồng vay:

(i) *Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh An Phú*

Hợp đồng cho vay : Số 16308.19.151.3664166.TD ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Số tiền vay : 373.000.000.000 VND.

Thời hạn cho vay : 96 tháng (08 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn, quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ.

Lãi suất : Tùy theo từng văn bản nhận nợ.

Mục đích sử dụng vốn vay : Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Chiếu xạ tại Bắc Ninh tại số 29, Đường số 9, KCN VSIP Bắc Ninh, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

Tài sản đảm bảo

: - Quyền sử dụng đất của Công ty (Xem Thuyết minh số V.10).

- Toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tại 02 nhà xưởng tại Bình Dương và Vĩnh Long thuộc sở hữu của Công ty (Xem Thuyết minh số V.9).

- Nguồn xạ thuộc sở hữu của Công ty (Xem Thuyết minh số V.8b).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tài sản hình thành từ vốn vay gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất (Nhà xưởng và máy móc thiết bị) thuộc dự án Nhà máy chiếu xạ tại Lô đất số 29, Đường số 9, KCN VSIP Bắc Ninh, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh (Xem Thuyết minh số V.8b, V.9 và V.11).

- Tiền ký quỹ tại MB; Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB và các TCTD khác phát hành.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh An Phú được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	-	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	224.263.224.636	192.263.233.524
Sau 5 năm	112.313.884.246	137.523.874.838
	336.577.108.882	329.787.108.362
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	336.577.108.882	329.787.108.362

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Quỹ khen thưởng	4.475.137.998	-	903.500.000	3.571.637.998
Quỹ phúc lợi	5.941.049.537	-	321.605.000	5.619.444.537
Cộng	10.416.187.535	-	2.458.527.500	9.191.082.535

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Quỹ khen thưởng	3.571.637.998	1.679.123.815	327.000.000	4.923.761.813
Quỹ phúc lợi	5.619.444.537	2.238.831.753	326.500.000	7.531.776.290
Cộng	9.191.082.535	3.917.955.568	653.500.000	12.455.538.103

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>						
Số đầu năm	120.204.000.000	7.200.000	(2.163.700.000)	9.269.234.725	212.654.634.477	339.971.369.202
Tăng vốn trong năm	81.009.950.000	121.433.370.454	-	-	-	202.443.320.454
Lãi trong năm	-	-	-	-	55.970.793.838	55.970.793.838
Số cuối năm	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	268.625.428.315	598.385.483.494
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>						
Số đầu năm	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	268.625.428.315	598.385.483.494
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	27.066.856.659	27.066.856.659
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(3.917.955.568)	(3.917.955.568)
Số cuối kỳ	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	291.774.329.406	621.534.384.585

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244 đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 31 tháng 3 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ của Công ty là 201.213.950.000 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.121.395	20.121.395
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.121.395	12.020.400
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.121.395</i>	<i>12.020.400</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(216.370)	(216.370)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(216.370)</i>	<i>(216.370)</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.905.025	11.804.030
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.905.025</i>	<i>11.804.030</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-API ngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.917.955.568
Cộng	<u>3.917.955.568</u>

20. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	2.683,68	2.690,28

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.239.487.136	63.498.301.414
Cộng	<u>66.239.487.136</u>	<u>63.498.301.414</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
<i>Công ty TNHH Thái Sơn</i>	-	311.813.188
Cộng	-	311.813.188
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.652.480.461	21.437.718.359
Cộng	22.652.480.461	21.437.718.359
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	2.296.524.287	30.684.629
Lãi trái phiếu	1.189.041.096	-
Cộng	3.485.565.383	30.684.629
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	1.358.670.952	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.133.364	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20.807.780	31.089.885
Cộng	1.425.612.096	31.089.885
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	817.333.500	431.171.938
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	31.662.122	23.392.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.650.727	25.000.000
Chi phí bằng tiền khác	1.656.658.657	1.442.199.147
Cộng	2.530.305.006	1.921.764.051
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	4.328.473.963	3.745.588.367
Chi phí đồ dùng văn phòng	787.951.364	126.447.134
Chi phí khấu hao	1.020.253.281	829.952.934
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	24.475.694
Chi phí dự phòng	204.599.720	2.523.555.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.190.851	1.209.182.329
Chi phí bằng tiền khác	5.099.562.249	2.921.878.921
Cộng	11.644.031.428	11.381.080.589

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lợi nhuận (lỗ) khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập khác	3.387.311	2.130.960
Thu nhập khác	3.387.311	2.130.960
Chi phí khác	2.504.861	34.778.405
Phạt chậm nộp, truy thu thuế	-	451.191
Phạt vi phạm hành chính	-	11.845.205
Chi phí khác	2.504.861	22.482.009
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	882.450	(32.647.445)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận trước thuế	31.473.505.978	28.724.685.714
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.560.585	672.526.823
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.560.585	672.732.193
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(205.370)
Thu nhập chịu thuế	31.476.066.563	29.397.212.537
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.295.213.313	5.879.442.507
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 116/2020/QH14 của Quốc Hội	(1.888.563.994)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.406.649.319	5.879.442.507

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2019: 20%) trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị quyết 116/2020/QH14 của Quốc Hội.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.066.856.659	22.845.243.207
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.066.856.659	22.845.243.207

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.905.025	11.804.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.360	1.935
b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.066.856.659	22.845.243.207
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.066.856.659	22.845.243.207
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	27.066.856.659	22.845.243.207
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.905.025	11.804.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	19.905.025	11.804.030
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.360	1.935
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.889.379.915	4.494.157.063
Chi phí nhân công	11.973.039.287	10.807.199.411
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.040.881.149	6.724.319.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.657.449.334	5.439.574.175
Chi phí bằng tiền khác	8.266.067.210	7.275.312.954
Cộng	36.826.816.895	34.740.562.999

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tài sản mua sắm, xây dựng trong kỳ từ tiền trả trước năm trước	5.047.570.375	1.557.444.547
Phải trả tiền mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ	669.900.000	19.330.395.230
Chi phí lãi vay đã vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản trong kỳ	618.362.732	1.380.448.765
Chi phí lãi vay phải trả	<u>718.116.726</u>	<u>1.380.448.765</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trả trước người bán mua sắm, xây dựng tài sản	963.961.250	231.095.355.034
Mua sắm/ xây dựng tài sản còn nợ năm trước đã thanh toán trong kỳ	<u>12.251.630.921</u>	<u>167.000.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thanh toán cho dự án “Nhà máy Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh Bắc Ninh” với chi tiết cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Đã ứng trước	Kết chuyển XDCB	Cam kết phải trả
1	Mua sắm máy móc thiết bị	444.634.125.400	18.847.240.728	383.161.783.012	42.625.101.660
2	Tư vấn thiết kế kỹ thuật thi công dự án	550.000.000	495.000.000	-	55.000.000
3	Chi phí khác	289.850.000	115.940.000	-	173.910.000
	Cộng	<u>445.473.975.400</u>	<u>19.458.180.728</u>	<u>383.161.783.012</u>	<u>42.854.011.660</u>

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Thái Sơn

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với Công ty TNHH Thái Sơn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cung cấp dịch vụ	-	311.813.188
Sử dụng dịch vụ	<u>1.289.880.320</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương	3.301.567.331	631.900.000
Phụ cấp, tiền thưởng	<u>576.000.000</u>	<u>516.000.000</u>
Cộng	<u>3.877.567.331</u>	<u>1.147.900.000</u>

3. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là chiếu xạ khử trùng, bảo quản các sản phẩm và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không được yêu cầu.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	336.577.108.882	372.500.480.377
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(67.503.434.329)	(206.944.850.128)
Nợ thuần	269.073.674.553	165.555.630.249
Vốn chủ sở hữu	621.534.384.585	598.385.483.494
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	43%	28%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.503.434.329	67.503.434.329	206.944.850.128	206.944.850.128
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
Phải thu của khách hàng	24.897.661.433	24.897.661.433	25.242.795.071	25.242.795.071
Phải thu khác	11.586.106.416	11.586.106.416	10.283.000.000	10.283.000.000
Cộng	173.987.202.178	173.987.202.178	242.470.645.199	242.470.645.199

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	12.779.372.931	12.779.372.931	24.987.962.323	24.987.962.323
Chi phí phải trả	3.734.886.339	3.734.886.339	3.671.509.536	3.671.509.536
Phải trả khác	345.296.554	345.296.554	474.383.919	474.383.919
Các khoản vay	336.577.108.882	336.577.108.882	372.500.480.377	372.500.480.377
Cộng	353.436.664.706	353.436.664.706	401.634.336.155	401.634.336.155

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do hoạt động kinh doanh của Công ty là chiếu xạ khử trùng, bảo quản các sản phẩm cho các khách hàng trong nước, nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và giá cả của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.503.434.329	-	-	67.503.434.329
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	70.000.000.000	-	-	70.000.000.000
Phải thu của khách hàng	24.897.661.433	-	-	24.897.661.433
Phải thu khác	1.309.306.416	10.276.800.000	-	11.586.106.416
Cộng	163.710.402.178	10.276.800.000	-	173.987.202.178
Phải trả cho người bán				
Chi phí phải trả	12.779.372.931	-	-	12.779.372.931
Phải trả khác	3.734.886.339	-	-	3.734.886.339
Các khoản vay	345.296.554	-	-	345.296.554
Cộng	16.859.555.824	336.577.108.882	-	353.436.664.706
Chênh lệch thanh khoản thuần				
	146.850.846.354	(326.300.308.882)	-	(179.449.462.528)
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	206.944.850.128	-	-	206.944.850.128
Phải thu của khách hàng	25.242.795.071	-	-	25.242.795.071
Phải thu khác	6.200.000	10.276.800.000	-	10.283.000.000
Cộng	232.193.845.199	10.276.800.000	-	242.470.645.199
Phải trả cho người bán				
Chi phí phải trả	24.987.962.323	-	-	24.987.962.323
Phải trả khác	3.671.509.536	-	-	3.671.509.536
Các khoản vay	474.383.919	-	-	474.383.919
Cộng	42.713.372.015	329.787.108.362	-	372.500.480.377
Cộng	71.847.227.793	329.787.108.362	-	401.634.336.155

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chênh lệch thanh khoản thuần	160.346.617.406	(319.510.308.362)	-	(159.163.690.956)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2019 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2019 (Đã được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30.158.293.749	(1.405.729.183)	28.752.564.566
Trả trước cho người bán ngắn hạn	25.924.630.673	(1.988.604.689)	23.936.025.984
NỢ PHẢI TRẢ			
Phải trả người bán ngắn hạn	26.976.567.012	(1.988.604.689)	24.987.962.323
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.622.986.686	(1.405.729.183)	217.257.503

Ngoài ra, trong kỳ Công ty thực hiện tăng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-API ngày 26 tháng 6 năm 2020 cũng như tăng mức lương và số lượng thành viên chủ chốt của Công ty, do đó thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt kỳ này biến động tăng so với kỳ trước.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2020, theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/NQ-HDQT-API, Công ty đã miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của người đại diện theo pháp luật là Bà Võ Thùy Dương và bổ nhiệm thành viên khác giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị nhằm thực hiện đúng quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Hiện tại Công ty đang trong quá trình thay đổi thông tin về chức danh người đại diện theo pháp luật với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

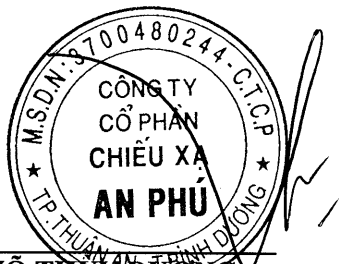
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Tỉnh Bình Dương, ngày 13 tháng 8 năm 2020



VÕ THUY DƯƠNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ MINH TÂM
Kế toán trưởng

ĐOÀN THỊ LÝ
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ